

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN DƯƠNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 76/2019/HNGĐ-ST
Ngày 21-11-2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Tươi

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Thư

Bà Nguyễn Thị Lợi

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thu Hương- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện An Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 266/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2019 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T; cư trú tại: Ấp N, xã S, thị xã L, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Lê Trác O; cư trú tại: Thôn 6, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa (có quan điểm xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại các bản tự khai, trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Trác O kết hôn với nhau do tự nguyện và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng vào năm 2014. Hai người mới làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, chưa tổ chức cưới hỏi theo phong tục và chưa từng chung sống với nhau ngày nào. Ngay sau khi làm thủ tục đăng ký kết hôn, giữa hai người xảy ra nhiều mâu thuẫn, xung đột do có sự cách biệt về tuổi tác, quan điểm sống, tính cách và khoảng cách địa lý. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên

ng nghiêm trọng và không cách nào khắc phục được. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Lê Trác O không còn, hôn nhân thực tế không có, mong muốn xây dựng hạnh phúc gia đình không đạt được nên chị Nguyễn Thị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Trác O để giải phóng hai bên khỏi ràng buộc bởi quan hệ hôn nhân.

Về con chung: Chị và anh Lê Trác O không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Ly hôn, chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 12 tháng 9 năm 2019, bị đơn là anh Lê Trác O trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Trác O xác nhận về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa anh và chị Nguyễn Thị T là đúng. Giữa hai người thường xuyên có những mâu thuẫn phát sinh do có sự bất đồng trong tính cách, quan điểm, cách biệt về lối sống, tuổi tác nên cuộc sống chung không hòa hợp được. Cũng chính vì vậy, anh và chị T sống ly thân mỗi người một nơi nhiều năm nay, anh sống tại thôn 6, xã B, huyện An Dương, Hải Phòng còn chị T sống tại ấp N, xã S, thị xã L, tỉnh Đồng Nai; không ai còn sự quan tâm và trách nhiệm gì với nhau nữa. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị Nguyễn Thị T xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh và chị Nguyễn Thị T không có tài sản chung gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, anh Lê Trác O trình bày, trước khi anh và chị T làm thủ tục đăng ký kết hôn, anh có đưa cho chị T số tiền 250.000.000đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) để làm nhà và 11.000.000đồng (mười một triệu đồng) để mua sắm vật dụng sinh hoạt gia đình. Anh không nhớ đã đưa số tiền trên cho chị T vào thời gian nào, khi đưa cũng không có văn bản, giấy tờ gì, anh cũng không biết có ai biết việc anh đã đưa số tiền như trên cho chị Nguyễn Thị T hay không. Anh yêu cầu chị T phải trả cho anh số tiền 100.000.000đồng (một trăm triệu đồng). Ngày 12 tháng 11 năm 2019, anh Lê Trác O có quan điểm xin rút yêu cầu buộc chị T phải trả cho anh số tiền 100 triệu đồng như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương phát biểu ý kiến khẳng định:

- Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự, Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, xử công nhận thuận tình ly hôn giữa

chị Nguyễn Thị T và anh Lê Trác O; về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Trác O không có con chung nên không xem xét giải quyết, về tài sản chung: không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc xét xử vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Lê Trác O có quan điểm xin giải quyết vắng mặt; nên căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của các bên đương sự, các tài liệu, chứng cứ khác do đương sự cung cấp và do Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án đã xác định chị Nguyễn Thị T và anh Lê Trác O kết hôn với nhau do tự nguyện, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng vào năm 2014. Giữa hai người thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất hòa do có những bất đồng trong tính cách, quan điểm, cách biệt về tuổi tác và khoảng cách địa lý nên cuộc sống chung của vợ chồng không thể dung hòa được và đã sống ly thân nhiều năm. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Lê Trác O đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị Nguyễn Thị T và anh Lê Trác O có quan điểm thuận tình ly hôn là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Trác O không có con chung nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Trác O đều có quan điểm vợ chồng không có tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về quan điểm của anh Lê Trác O trình bày: Trước khi anh và chị Nguyễn Thị T đăng ký kết hôn, anh có đưa cho chị T 250 triệu đồng để mua đất làm nhà và 11 triệu đồng để mua sắm vật dụng gia đình và anh yêu cầu chị T phải trả cho anh số tiền 100.000.000 đồng. Trong quá trình tố tụng, anh Lê Trác O xin rút yêu cầu nói trên nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; các điều 143, 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ các điều 6, 7, 9 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Lê Trác O.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước. Chị Nguyễn Thị T đã nộp số tiền 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương (theo Biên lai thu tiền số 0004374 ngày 24 tháng 7 năm 2019) nên không phải nộp nữa.

Các đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- UBND xã B;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Văn Tươi